

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày 19/4/2022

V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Hoàng Văn Dự.

2. Ông: Phương Văn Tư.

- Thư ký phiên toà: Ông Nông Văn Noọng - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Tịch - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 19/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/3/2022 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXHNGĐ - ST ngày 04 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H, sinh năm 199x;

Nơi ĐKKHKT: Xóm T, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Cao Bằng.

Chỗ ở hiện nay: Công ty SjTech, khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt có lý do.

Bị Đơn: Anh Hoàng Hữu H, sinh năm 199x;

Nơi ĐKKHKT: Xóm T, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Cao Bằng.

Chỗ ở hiện nay: Tổ x, khu phố x, L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 14/3/2022 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn Bùi Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Hoàng Hữu H vào năm 2017, sau đó tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Phúc, huyện

Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng ngày 27/02/2017, việc đăng ký do hai bên tự nguyện thực hiện. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung tên Hoàng Trung H, sinh ngày 23/5/201x, hiện nay con đang sống với chị H. Tuy nhiên, sau đó chị phát hiện anh H có dính đến hút hít ma túy, bỏ bê nhà cửa, vợ con. Chị và gia đình đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng không có kết quả. Vì vậy giữa hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Hiện nay chị xác định đã không còn tình cảm và không thể sống chung với anh H được nữa, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn anh Hoàng Hữu H. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Giữa hai vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời do tình hình dịch bệnh ngày càng phức tạp chị H có đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa án.

Tại bản tự khai ngày 15/3/2022, bị đơn Hoàng Hữu H xác nhận các vấn đề về tình cảm, con cái, tài sản, nợ chung như chị H trình bày là đúng và nhất trí ly hôn, nuôi con theo nguyện vọng của chị H. Hiện nay anh đang đi làm ăn xa và tình hình dịch bệnh ngày càng phức tạp không thể về dự phiên tòa được nên anh có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Hoàng Hữu H;
- Về con chung: Giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh H;
- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét;
- Về án phí: Buộc chị H phải chịu 300.000đ án phí để sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền*: Bị đơn Hoàng Hữu H có hộ khẩu thường trú và trước khi đi làm công nhân thì cư trú tại: Xóm Tân Lập, xã Trung Phúc, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

[2]. *Về tố tụng*: Do tình hình dịch bệnh Covid ngày càng phức tạp nên hai bên đương sự có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Bùi Thị H yêu cầu ly hôn anh Hoàng Hữu H, dành quyền nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị H và anh Hoàng Hữu H tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào năm 2017, sau đó đăng ký kết hôn ngày 27/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Trung Phúc, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Việc đăng ký là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Như vậy, việc kết hôn giữa chị H và anh H là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 01 đứa con chung tên là Hoàng Trung H, sinh ngày 23/5/201x, hiện nay con đang sống với chị H. Tuy nhiên, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn; hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Vì vậy hai vợ chồng đã không quan tâm đến nhau và ly thân từ năm 2019 đến nay. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 15/3/2022, anh Hoàng Hữu H cũng nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị H cùng nguyện vọng được nuôi con của chị. Xét thấy, giữa chị H và anh H đã không còn tình cảm với nhau, tự nguyện nhất trí ly hôn. Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị H và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5]. *Về con chung*: Giữa chị H và anh H có 01 con chung tên Hoàng Trung H, sinh ngày 23/5/201x, hiện nay đang sống với chị H. Sau khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay anh H đang đi làm ăn xa, cháu H cũng đã sống với chị H từ nhỏ, nếu thay đổi môi trường sẽ ảnh hưởng đến sinh hoạt cũng như việc học của cháu. Mặt khác, anh H cũng nhất trí để chị H chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu H cho chị H chăm sóc, giáo dục và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh H là có căn cứ.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. *Về án phí*: Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận chị đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Hoàng Hữu H.

2. *Về con chung:* Giao cháu Hoàng Trung H, sinh ngày 23/5/201x cho chị H chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (hoặc đến khi có Bản án, Quyết định khác của Tòa án thay thế) và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh H.

Sau khi ly hôn, anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, xác nhận chị đã nộp đủ.

5. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt Bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã Trung Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nông Văn Tùng